TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 16 - PHÚ THỌ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2025/HS-ST
Ngày: 18 - 11 - 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16 - PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Cao Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đinh Thị Thuỷ và bà Nguyễn Thị Kiều Hoa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hà Thế Anh – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 16 - Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 - Phú Thọ tham gia phiên tòa: Ông Triệu Văn Mừng - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 11 năm 2025 tại Tòa án nhân dân khu vực 16 - Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 20/2025/TLST-HS ngày 03 tháng 10 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2025/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 11 năm 2025 đối với các bị cáo:

1. BÙI VĂN H, sinh ngày 29 tháng 7 năm 1980 tại xã M, tỉnh Phú Thọ. Căn cước công dân số: 017080003203. Nơi thường trú: xóm M, xã T, tỉnh Phú Thọ; nghề nghiệp: Nguyên Phó chủ tịch UBND xã S, huyện M, tỉnh Hòa Bình (Nay là xã T, tỉnh Phú Thọ); trình độ văn hoá (học vấn): Đại học; dân tộc: Mường; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Bùi Văn H1 (đã chết) và bà Bùi Thị Ú; bị cáo có vợ là Đinh Thị Y và 02 con, con lớn sinh năm 2005, con nhỏ sinh năm 2013; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

2. ĐINH CÔNG NGUYÊN, sinh ngày 01 tháng 6 năm 1988 tại xã T, tỉnh Phú Thọ. Căn cước công dân số: 017088012816. Nơi thường trú: xóm K, xã T, tỉnh Phú Thọ; nghề nghiệp: Nguyên Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự xã S, huyện M, tỉnh Hòa Bình (Nay là xã T, tỉnh Phú Thọ); trình độ văn hoá (học vấn): 12/12; dân tộc: Mường; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đinh Công T và bà Bùi Thị Đ; bị cáo có vợ là Đinh Thị H2 và 02 con, con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2014; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:* UBND xã S, huyện M, tỉnh Hòa Bình, nay là xã T, tỉnh Phú Thọ. Người đại diện theo pháp luật: ông Bùi Ngọc Đ1 - Chủ tịch UBND xã. Người đại diện theo uỷ quyền tham gia tố tụng: ông Đinh Văn K – Chánh án Văn phòng UBND và HĐND xã.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bùi Văn Đ2, sinh năm 1985. Trú tại: xóm K, xã T, tỉnh Phú Thọ. Nguyên là Chủ tịch UBND xã S, huyện M, tỉnh Hòa Bình. Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt;

Đỗ Tiến H3, sinh năm 1977. Trú tại: xóm S, xã T, tỉnh Phú Thọ. Nguyên là Kế toán UBND xã S, huyện M, tỉnh Hòa Bình. Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt;

Bùi Thị D, sinh năm 1981. Trú tại: xóm S, xã T, tỉnh Phú Thọ. Nguyên là Thủ quỹ UBND xã S, huyện M, tỉnh Hòa Bình. Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt;

Quỹ bảo vệ và phát triển rừng Hoà Bình. Địa chỉ trụ sở: Số C đường H, phường H, tỉnh Phú Thọ. Người đại diện theo uỷ quyền tham gia tố tụng: ông Nguyễn Văn H4 – Trưởng phòng Kế hoạch - Kỹ thuật Quỹ bảo vệ và phát triển rừng Hoà Bình. Có mặt.

Các thành viên của Tổ quản lý, bảo vệ và phát triển rừng xã S, huyện M, tỉnh Hòa Bình, bao gồm:

1. Hà Thái V, sinh năm 1984. Nơi cư trú: Tổ dân phố V, xã M, tỉnh Phú Thọ. Nguyên Trưởng Công an xã S. Có mặt.

2. Quách Đình N, sinh năm 1993. Nơi cư trú: Tiểu khu B, xã M, tỉnh Phú Thọ. Nguyên Phó trưởng Công an xã S. Vắng mặt.

3. Bàn Văn H5, sinh năm 1984. Nơi cư trú: xóm S, xã T, tỉnh Phú Thọ. Trưởng xóm S, xã S. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

4. Bùi Văn B, sinh năm 1984. Nơi cư trú: xóm K, xã T, tỉnh Phú Thọ. Trưởng xóm K, xã S. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

5. Đinh Công T1, sinh năm 1985. Nơi cư trú: xóm S, xã T, tỉnh Phú Thọ. Trưởng xóm S, xã S. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

6. Đinh Công K1, sinh năm 1988. Nơi cư trú: xóm N, xã T, tỉnh Phú Thọ. Trưởng xóm N, xã S. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

7. Đinh Công N1, sinh năm 1983. Nơi cư trú: xóm K, xã T, tỉnh Phú Thọ. Trưởng xóm K, xã S. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

8. Bùi Văn S, sinh năm 1985. Nơi cư trú: xóm P, xã T, tỉnh Phú Thọ. Trưởng xóm P, xã S. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

9. Bùi Văn N2, sinh năm 1984. Nơi cư trú: xóm G, xã T, tỉnh Phú Thọ. Trưởng xóm G, xã S. Có mặt.

10. Bùi Văn H6, sinh năm 1981. Nơi cư trú: xóm K, xã T, tỉnh Phú Thọ. Trưởng xóm K, xã S. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

11. Đinh Công H7, sinh năm 1985. Nơi cư trú: xóm K, xã T, tỉnh Phú Thọ. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

12. Bàn Văn X, sinh năm 1967. Nơi cư trú: xóm S, xã T, tỉnh Phú Thọ. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

13. Đinh Văn H8, sinh năm 1995. Nơi cư trú: xóm M, xã T, tỉnh Phú Thọ. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

14. Đinh Công T2, sinh năm 1981. Nơi cư trú: xóm K, xã T, tỉnh Phú Thọ. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

15. Bùi Văn T3, sinh năm 1993. Nơi cư trú: xóm K, xã T, tỉnh Phú Thọ. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

16. Bùi Văn T4, sinh năm 1991. Nơi cư trú: xóm S, xã T, tỉnh Phú Thọ. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

17. Bùi Văn S1, sinh năm 1989. Nơi cư trú: xóm S, xã T, tỉnh Phú Thọ. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

18. Bùi Đức C, sinh năm 1976. Nơi cư trú: xóm xã T, tỉnh Phú Thọ. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

19. Đinh Công Q, sinh năm 1972. Nơi cư trú: xóm S, xã T, tỉnh Phú Thọ. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

20. Đinh Văn Ê, sinh năm 1982. Nơi cư trú: xóm S, xã T, tỉnh Phú Thọ. Công chức tư pháp xã S. Có mặt.

21. Bùi Văn T5, sinh năm 1984. Nơi cư trú: xóm S, xã T, tỉnh Phú Thọ. Công chức xã S. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

22. Bùi Văn C1, sinh năm 1991. Nơi cư trú: xóm S, xã T, tỉnh Phú Thọ. Phó Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự xã S. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

23. Bùi Văn T3, sinh năm 1993. Nơi cư trú: xóm K, xã T, tỉnh Phú Thọ. Tổ trưởng Tổ an ninh xóm K, xã S. Vắng mặt.

24. Bùi Đức D1, sinh năm 1978. Nơi cư trú: xóm G, xã T, tỉnh Phú Thọ. Công chức Văn phòng xã S. Có mặt.

25. Đinh Công H9, sinh năm 1989. Nơi cư trú: xóm S, xã T, tỉnh Phú Thọ. Tổ phó Tổ an ninh xóm S, xã S. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

26. Bùi Văn T6, sinh năm 1978. Nơi cư trú: xóm S, xã T, tỉnh Phú Thọ. Trưởng xóm S, xã S. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

27. Bùi Văn H10, sinh năm 1984. Nơi cư trú: xóm N, xã T, tỉnh Phú Thọ. Công chức địa chính xã T, huyện M, tỉnh Hòa Bình (Nay là xã T, tỉnh Phú Thọ). Có đơn xin xét xử vắng mặt.

28. Bùi Văn H11, sinh năm 1996. Nơi ĐKHKTT: xóm S, xã T, tỉnh Phú Thọ. Chỗ ở: xóm N, xã T, tỉnh Phú Thọ. Trưởng xóm S, xã S. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

29. Xa Văn S2, sinh năm 1976. Nơi cư trú: xóm K, xã T, tỉnh Phú Thọ. Nguyên Chủ tịch Hội cựu chiến binh xã S. Có mặt.

30. Bùi Văn L, sinh năm 1986. Nơi cư trú: xóm K, xã T, tỉnh Phú Thọ. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

31. Bùi Văn K2, sinh năm 1984. Nơi cư trú: xóm K, xã T, tỉnh Phú Thọ. Nguyên cán bộ khuyến nông khuyến lâm xã S. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

32. Bùi Văn Q1, sinh năm 1972. Nơi cư trú: xóm M, xã T, tỉnh Phú Thọ. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

33. Lò Văn K3, sinh năm 1988. Nơi cư trú: xóm P, xã T, tỉnh Phú Thọ. Vắng mặt.

34. Hà Văn T7, sinh năm 1990. Nơi cư trú: xóm N, xã T, tỉnh Phú Thọ. Công an viên xóm N, xã S. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

35. Hà Văn Đ3, sinh năm 1985. Nơi cư trú: xóm S, xã T, tỉnh Phú Thọ. Nguyên Chủ tịch Hội nông dân xã S. Có mặt.

36. Đinh Công G, sinh năm 1984. Nơi cư trú: xó S, xã T, tỉnh Phú Thọ. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ủy ban nhân dân xã S, huyện M, tỉnh Hòa Bình (nay là xã T, tỉnh Phú Thọ) được giao quản lý, bảo vệ và phát triển 322,26 ha rừng. Theo quy chế làm việc và các quyết định phân công nhiệm vụ của UBND xã S nhiệm kỳ 2021 – 2026 thì Bùi Văn H với cương vị là Phó Chủ tịch UBND xã, được giao phụ trách lãnh đạo các lĩnh vực công tác trong đó có lĩnh vực lâm nghiệp, quản lý Quỹ bảo vệ và phát triển rừng hàng năm, thực hiện ký các văn bản quản lý điều hành thuộc thẩm quyền UBND xã trong các lĩnh vực được giao.

Thực hiện nhiệm vụ được giao, ngày 20/3/2023, Bùi Văn H đã ký ban hành quyết định số 153/QĐ-UBND về việc thành lập Tổ quản lý, bảo vệ và phát triển rừng; phòng cháy, chữa cháy và các hành vi xâm hại tài nguyên rừng (Sau đây gọi tắt là Tổ quản lý, bảo vệ và phát triển rừng) trên địa bàn xã S gồm 37 thành viên, do Đinh Công N3 làm Tổ trưởng. Ngày 07/7/2023, Tổ quản lý này được kiện toàn thành 39 thành viên, vẫn do Đinh Công N3 làm Tổ trưởng, theo quyết định số 350/QĐ-UBND do Bùi Văn H ký, ban hành. Theo phân công nhiệm vụ, Đinh Công N3 có trách nhiệm xây dựng phương án, kế hoạch tuần tra và chấm công cụ thể báo cáo lãnh đạo UBND xã phê duyệt; thường xuyên phối hợp với cán bộ Kiểm lâm, Công an xã tổ chức tuần tra, kiểm tra nhằm phát hiện, ngăn chặn các hành vi xâm hại tài nguyên rừng, khai thác, mua bán, vận chuyển, chế biến, kinh doanh lâm sản trái pháp luật trên địa bản xã S. Kinh phí cho hoạt động trên được Quỹ bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Hoà Bình chi trả bằng tiền dịch vụ môi trường rừng hàng năm cho UBND xã. Tuy nhiên, Bùi Văn H và Đinh Công N3 không chỉ đạo, không tổ chức thực hiện cho các thành viên trong tổ đi tuần tra rừng theo nhiệm vụ đã được phân công.

Ngày 12/4/2023, Quỹ bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Hoà Bình có Thông báo số 34/TB-BVPTR về việc chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng trên địa bàn tỉnh Hòa Bình, theo đó xã S với diện tích rừng 322,26 ha rừng được chi trả 108.562.909 (Một trăm linh tám triệu, năm trăm sáu mươi hai nghìn, chín trăm linh chín) đồng. Căn cứ thông báo nêu trên, Bùi Văn H ký Giấy đề nghị thanh toán tiền. Ngày 31/5/2023, Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Hoà Bình đã thanh toán cho UBND xã S số tiền 108.562.909 đồng bằng hình thức chuyển khoản vào số tài khoản 3004201003454, mở tại Ngân hàng N4 - Chi nhánh huyện M, là số tài khoản của xã S. Sau khi nhận được tiền, ngày 04/8/2023 Bùi Văn H ký ban hành Tờ trình số 392/TTr-UBND trình UBND huyện phê duyệt phương án sử dụng tiền dịch vụ môi trường rừng đối với số tiền 108.562.909 đồng, kèm phương án chi cụ thể: chi hỗ

trợ người bảo vệ rừng 150.000đ/người/ngày x 16,5 ngày x 37 người = 91.575.000 đồng; chi hội nghị sơ kết công tác bảo vệ rừng 6 tháng đầu năm 2023 là 5.200.000đ; Hội nghị tổng kết công tác bảo vệ rừng năm 2023 là 5.200.000đ; chi khen thưởng các cá nhân có thành tích trong công tác bảo vệ rừng là 3.200.000đ; chi khác 3.387.000đ. Tổng cộng là 108.562.000 (Một trăm linh tám triệu, năm trăm sáu mươi hai nghìn) đồng. Căn cứ Tờ trình của UBND xã S và Công văn số 465/TCKH-NSX ngày 16/8/2023 của Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện M, UBND huyện M đã ra Quyết định số 2347/QĐ-UBND, ngày 24/8/2023 phê duyệt phương án quản lý, bảo vệ rừng và sử dụng 108.562.900 (Một trăm linh tám triệu, năm trăm sáu mươi hai nghìn, chín trăm) đồng tiền dịch vụ môi trường rừng. Đến ngày 07/02/2024, Bùi Văn H chỉ đạo Đỗ Tiến H3 làm thủ tục rút toàn bộ 108.562.909 đồng từ tài khoản về bàn giao cho Bùi Thị D nhập quỹ tiền mặt của UBND xã. Sau đó, Bùi Văn H và Đinh Công N3 bàn bạc, thống nhất với nhau hợp thức hồ sơ, tài liệu, thủ tục thanh quyết toán số tiền nêu trên theo đúng phương án đã được phê duyệt và thời gian ghi vào năm 2023. Theo bàn bạc, Đinh Công N3 lập các chứng từ thanh toán rồi chuyển cho Bùi Văn H ký duyệt dưới mục "Đại diện UBND xã", "Xác nhận của UBND xã", "Người duyệt chi". Đinh Công N3 ký dưới mục "Người lập quyết toán", "Người đề nghị quyết toán", "Người trả tiền", "Người lập dự trù". Đối với chứng từ thanh toán tiền công tuần rừng của các tổ viên Tổ tuần tra bảo vệ rừng thì Đinh Công N3 lập khống "Kế hoạch tuần tra bảo vệ rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng", "Sổ tuần tra bảo vệ rừng", lập "Bảng chấm công tuần tra bảo vệ và phát triển rừng, phòng cháy, chữa cháy rừng", "Bảng tính tổng ngày công của các thành viên Tổ bảo vệ và phát triển rừng, phòng cháy, chữa cháy rừng năm 2023" thể hiện hàng tháng có 09 nhóm thay phiên nhau tuần rừng với tổng ngày công là 610,5 ngày và số tiền phải chi trả là 91.575.000đ. Sau đó số tiền 108.562.909 đồng được chi thực tế hội nghị sơ kết và tổng kết công tác bảo vệ rừng hết 11.200.000đ, số tiền còn lại Bùi Văn H thông báo và thống nhất với các thành viên Tổ bảo vệ và phát triển rừng dùng đi thăm quan du lịch làm hai đợt tại C - Hải Phòng và H - Quảng Ninh; đợt 1 từ ngày 07 đến ngày 09/6/2024, đợt 2 từ ngày 14 đến ngày 16/6/2024.

Tại Kết luận giám định tư pháp ngày 17/12/2024 của Sở Tài chính tỉnh H đã kết luận: Ủy ban nhân dân xã S thực hiện việc thanh, quyết toán đối với số tiền dịch vụ môi trường rừng năm 2022 là chưa đúng quy định. Có vi phạm tại khoản 1 Điều 13 Luật Kế toán 2015. Tại Kết luận giám định tư pháp bổ sung ngày 27/6/2025 của Sở Tài chính tỉnh H kết luận: Căn cứ theo Quyết định số 2347/QĐ-UBND ngày 24/8/2023 của UBND huyện M đã phê duyệt phương án sử dụng tiền dịch vụ môi trường rừng thì số tiền chi cho các hội nghị sơ kết, tổng kết công tác bảo vệ rừng là 11.200.000đ là đúng quy định tại khoản 4 Điều 70 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp. Do đó, số tiền 11.200.000 đồng không gây thiệt hại cho tổ chức, cá nhân. Như vậy, số tiền gây thiệt hại cụ thể là gây thiệt hại cho Ủy ban nhân dân xã S là 108.562.900 - 11.200.000 = 97.362.900 đồng.

Tại Kết luận giám định số 221/KL-KTHS, ngày 21/4/2025 của Phòng K4 Công an tỉnh H kết luận: Chữ viết, chữ ký trên các chứng từ và chữ ký, chữ viết của Đinh Công N3 theo mẫu so sánh là của Đinh Công N3 viết và ký ra. Chữ ký

đứng tên Phó Chủ tịch Bùi Văn H, chữ ký dưới mục "TM.UBND XÃ SƠN THUỶ" trong tài liệu giám định và chữ ký của Bùi Văn H trong tài liệu so sánh là của Bùi Văn H. Chữ ký đứng tên Chủ tịch Bùi Văn Đ2 trên tài liệu cần giám định và chữ ký trên mẫu so sánh là của Bùi Văn Đ2.

Tang vật thu giữ được tại giai đoạn điều tra và quá trình xử lý vật chứng: Vật chứng thu giữ gồm: Toàn bộ hồ sơ thanh, quyết toán khoản kinh phí dịch vụ môi trường rừng năm 2022 và 02 quyển sổ theo dõi việc tạm ứng tiền mặt của UBND xã S. Các vật chứng trên hiện được lưu giữ theo hồ sơ vụ án.

Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra, các bị cáo Bùi Văn H, Đinh Công N3 đã tự nguyện nộp vào Cơ quan Thi hành án dân sự số tiền 108.562.900đ để khắc phục hậu quả do hành vi phạm tội của mình gây ra.

Tại Bản Cáo trạng số 01/CT-VKSKV16 ngày 01/10/2025 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 - Phú Thọ đã truy tố các bị cáo Bùi Văn H và Đinh Công N3 về tội "Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ" theo khoản 1 Điều 356 của Bộ luật Hình sự 2015.

Đối với Bùi Văn Đ2 là Chủ tịch UBND xã S nhiệm kỳ 2021 - 2026, chịu trách nhiệm lãnh đạo chung mọi mặt của UBND xã. Tuy nhiên, UBND xã S đã có quy chế phân công nhiệm vụ đối với Chủ tịch, các Phó Chủ tịch trong đó lĩnh vực lâm nghiệp, quản lý, bảo vệ rừng được giao cho Bùi Văn H; Bùi Văn H được toàn quyền ban hành, ký các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo thuộc thẩm quyền của UBND xã trong lĩnh vực mình quản lý. Các cuộc họp giao ban, Bùi Văn H cũng không báo cáo hoạt động của Tổ quản lý, bảo vệ và phát triển rừng nên Bùi Văn Đ2 không biết việc các thành viên trong Tổ quản lý, bảo vệ và phát triển rừng có đi tuần tra rừng thực tế hay không. Sau khi có kinh phí chi trả dịch vụ môi trường rừng thì Bùi Văn Đ2 có chỉ đạo Bùi Văn H, Đinh Công N3 lập hồ sơ thanh, quyết toán nhưng là chỉ đạo, đôn đốc theo chức năng của chủ tài khoản chứ không phải bản thân Bùi Văn Đ2 biết Tổ quản lý, bảo vệ và phát triển rừng không thực hiện nhiệm vụ mà vẫn chỉ đạo lập hồ sơ thanh, quyết toán. Đối với việc Bùi Văn Đ2 thống nhất việc dùng tiền dịch vụ môi trường đi thăm quan vì tưởng rằng số tiền được chi trả cho các thành viên trong Tổ là hợp pháp, việc thống nhất dùng tiền đi thăm quan là tự nguyện của các thành viên, phù hợp nhu cầu nội bộ của T8 và không gây thiệt hại cho cá nhân, tổ chức nào. Do vậy, Cáo trạng xác định Bùi Văn Đ2 không đồng phạm với các bị cáo và không đề cập xử lý.

Đối với Đỗ Tiến H3 và Bùi Thị D là kế toán và thủ quỹ của UBND xã, không phải là thành viên của Tổ quản lý, bảo vệ và phát triển rừng nên không biết việc các bị cáo lập khống hồ sơ thanh, quyết toán. Đỗ Tiến H3 được Bùi Văn H chỉ đạo cùng Đinh Công N3 hoàn thiện hồ sơ thanh, quyết toán và ký dưới mục Kế toán. Việc ký tên trên các chứng từ thanh toán là theo đúng trách nhiệm của kế toán. Bùi Thị D chi tiêu, sử dụng tiền quỹ là theo sự chỉ đạo của lãnh đạo UBND xã, không tự ý quyết định. Do vậy Cáo trạng không đề cập xử lý đối với Đỗ Tiến H3 và Bùi Thị D.

Đối với các thành viên Tổ quản lý, bảo vệ và phát triển rừng hoạt động theo sự chỉ đạo của Tổ trưởng. Mặc dù không đi tuần tra theo nhiệm vụ đã được phân

công nhưng vẫn ký tên trên các chứng từ do Đinh Công N3 lập thể hiện đã được nhận tiền đi tuần tra rừng, theo đó các chứng từ thể hiện các thành viên nhận số tiền từ 1.800.000đ đến 3.750.000đ. Việc các thành viên ký tên trên các chứng từ đã nêu một phần do Tổ quản lý, bảo vệ và phát triển rừng chia thành nhiều tổ nhỏ luân phiên tuần tra nên các thành viên không biết các tổ nhóm khác có đi tuần hay không. Khi ký, họ tin tưởng vào sự hướng dẫn, không nhận thức đầy đủ việc lập khống chứng từ. Các thành viên trong Tổ cũng không có sự bàn bạc, thống nhất nên không phải chịu trách nhiệm chung với tổng số tiền gây thiệt hại trong vụ án. Do đó, Cáo trạng cũng không đề cập xử lý đối với các thành viên này.

Bùi Văn Đ2, Đỗ Tiến H3, Bùi Thị D và các thành viên Tổ quản lý, bảo vệ và phát triển rừng đã bị Cơ quan điều tra có văn bản kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét, xử lý trách nhiệm theo tính chất, mức độ vi phạm của từng cá nhân.

Tại phiên toà, Kiểm sát viên giữ nguyên nội dung quyết định truy tố, tội danh, điều khoản luật áp dụng đối với các bị cáo. Xác định các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự 2015. Các bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là tự nguyện khắc phục hậu quả; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải theo quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015. Đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo Bùi Văn H từ 26 đến 30 tháng tù; xử phạt Đinh Công N3 từ 20 đến 24 tháng tù và cho các bị cáo được hưởng án treo. Đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung cấm các bị cáo đảm nhiệm chức vụ trong thời gian nhất định. Về vật chứng của vụ án không đề cập xử lý.

Phía bị hại là UBND xã T, tỉnh Phú Thọ xác nhận số tiền thiệt hại là 97.362.900 đồng. Số tiền trên đã được UBND huyện M cũ phê duyệt hợp pháp và sẽ được sử dụng tiếp tục vào mục đích quản lý, bảo vệ rừng; không yêu cầu gì thêm đối với các bị cáo; đề nghị giảm nhẹ mức hình phạt cho các bị cáo.

Đại diện người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng xác nhận đã chuyển giao cho UBND xã S (nay là xã T, tỉnh Phú Thọ số tiền dịch vụ môi trường rừng năm 2022, sử dụng vào năm 2023 số tiền là 108.562.909 (Một trăm linh tám triệu, năm trăm sáu mươi hai nghìn, chín trăm linh chín) đồng. Số tiền này thuộc quyền quản lý, sử dụng của UBND xã S (nay là xã T, tỉnh Phú Thọ) đã được phê duyệt hợp pháp và không có ý kiến gì khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là các thành viên trong Tổ quản lý, bảo vệ và phát triển rừng có mặt tại phiên toà đều xác nhận không được đi tuần tra rừng, có được ký nhận vào chứng từ chi trả tiền do các bị cáo lập và có được đi du lịch và không phải chi phí gì thêm cho chuyến đi du lịch.

Các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình; không có ý kiến gì về nội dung cáo trạng phản ánh; không kêu oan. Các bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về tố tụng:* Hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Điều tra viên, của Cơ quan điều tra, của Kiểm sát viên, của Viện kiểm sát trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự nên xác nhận là hợp pháp. Quá trình điều tra, truy tố, xét xử những người tham gia tố tụng không có khiếu nại, tố cáo hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và của người tiến hành tố tụng.

[2] *Về căn cứ xác định tội danh, điều luật áp dụng đối với các bị cáo:* Trong năm 2024, các bị cáo Bùi Văn H với cương vị là Phó Chủ tịch UBND xã, Đinh Công N3 là Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự xã, Tổ trưởng Tổ quản lý, bảo vệ và phát triển rừng của xã đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ. Theo lĩnh vực công tác được giao phụ trách, Bùi Văn H đã thành lập và kiện toàn Tổ quản lý, bảo vệ và phát triển rừng. Đinh Công N3 là Tổ trưởng có trách nhiệm xây dựng kế hoạch, phân công chỉ đạo các thành viên trong Tổ tuần rừng nhưng các bị cáo không thực hiện chỉ đạo, tổ chức thực hiện nhiệm vụ của Tổ. Các bị cáo biết rõ các thành viên trong Tổ không thực hiện nhiệm vụ nhưng khi có kinh phí dịch vụ môi trưởng rừng chi trả cho việc tuần tra, bảo vệ rừng thì các bị cáo thống nhất lập hồ sơ khống nhằm hợp thức hoá số tiền phải chi trả; đã vi phạm quy định của Luật Kế toán. Các bị cáo đều là những người có chức vụ, quyền hạn trong lĩnh vực mình được phân công lãnh đạo, chỉ đạo nhưng vì động cơ các nhân để che dấu vi phạm, khuyết điểm không hoàn thành nhiệm vụ nên đã cùng nhau lập khống hồ sơ, chứng từ; các bị cáo biết rõ các thành viên không tuần rừng nhưng vẫn lập Kế hoạch, Sổ theo dõi, chấm công, lập các chứng từ chi trả tiền, dùng tiền cùng các thành viên tổ chức đi du lịch gây thiệt hại cho UBND xã S 97.362.900đ. Hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội Lạm dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ. Số tiền các bị cáo gây thiệt hại nằm trong khoảng từ 10.000.000đ đến dưới 200.000.000đ. Do vậy, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 356 Bộ luật Hình sự 2015. Cáo trạng truy tố các bị cáo theo tội danh, điều khoản luật đã viện dẫn là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Đối với Bùi Văn Đ2, Đỗ Tiến H3 và Bùi Thị D với vị trí việc làm của mình đã không kiểm tra, đôn đốc, giám sát; thực hiện nhiệm vụ của mình một cách máy móc; có dấu hiệu của sự thiếu trách nhiệm. Tuy nhiên, hậu quả chưa đến 100.000.000đ, chưa cấu thành tội Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiệm trọng. Đối với các thành viên Tổ quản lý, bảo vệ và phát triển rừng không được tổ chức thực hiện nhiệm vụ nhưng vẫn ký vào chứng từ khống do không nhận thức đầy đủ về việc lập khống chứng từ, không phải chịu trách nhiệm hình sự đối với thiệt hại chung. Cáo trạng không đề cập xử lý những đối tượng này là có căn cứ, đã bị kiến nghị xử lý trách nhiệm hành chính, công vụ nên các đối tượng trên cần lấy đó làm bài học kinh nghiệm cho bản thân.

[3] *Về cá thể hoá mức hình phạt đối với từng bị cáo:* Các bị cáo đã cùng nhau thực hiện tội phạm. Tuy nhiên, các bị cáo không có sự bàn bạc chặt chẽ nên chỉ là đồng phạm giản đơn. Trong đó, Bùi Văn H có vai trò chính; bị cáo là người chỉ đạo, có chức vụ cao hơn, là người có vai trò quyết định nên phải chịu trách nhiệm hình sự ở mức cao hơn bị cáo Đinh Công N3. Bị cáo Đinh Công N3 là đồng

phạm giúp sức tích cực, trực tiếp tạo lập các chứng từ khống nên phải chịu trách nhiệm hình sự tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của mình.

[4] *Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo*: Tội phạm mà các bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội; đã xâm phạm đến sự hoạt động đúng đắn của các cơ quan, tổ chức; làm cho cơ quan, tổ chức suy yếu, mất uy tín, mất lòng tin của nhân dân vào Nhà nước. Các bị cáo có năng lực chịu trách nhiệm hình sự, có nhận thức và hiểu biết pháp luật nhưng coi thường pháp luật. Các bị cáo vì động cơ cá nhân không hoàn thành nhiệm vụ được giao đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn làm trái công vụ gây thiệt hại. Do vậy, cần áp dụng đối với các bị cáo mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của từng bị cáo, để cải tạo các bị cáo trở thành công dân bình thường, đồng thời để răn đe và phòng ngừa chung.

[5] *Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:* Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự 2015. Sau khi phạm tội, các bị cáo đã tự nguyện bồi thường, khắc phục hậu quả. Tại giai đoạn điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ rõ sự ăn năn, hối cải. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho cả hai bị cáo theo quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015. Các bị cáo đều là người dân tộc thiểu số sinh sống tại vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; có nhiều thành tích trong công tác; các bị cáo được đại diện bị hại xin giảm nhẹ hình phạt. Đây là những tình tiết Hội đồng xét xử sẽ xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015. Các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có 02 tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Các bị cáo đều có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo nên Hội đồng xét xử xét không cần bắt các bị cáo chấp hành hình phạt tù cũng không gây nguy hiểm cho xã hội; không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Đề nghị của Kiểm sát viên, của các bị cáo xin hưởng án treo là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 65 Bộ luật hình sự và Điều 2 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP, ngày 15/5/2018, được sửa đổi bổ sung theo Nghị quyết số 02/2025/NQ-HĐTP, ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

[6] *Về hình phạt bổ sung:* Xét các bị cáo đã không còn đủ phẩm chất làm người giữ chức vụ trong các cơ quan, tổ chức nên cần áp dụng hình pháp cấm các bị cáo đảm nhiệm chức vụ trong thời gian phù hợp để các bị cáo có thời gian rèn luyện, phấn đấu.

[7] *Về tang vật của vụ án:* Tang vật của vụ án là toàn bộ hồ sơ thanh, quyết toán khoản kinh phí dịch vụ môi trường rừng năm 2022 và 02 quyển số theo dõi việc tạm ứng tiền mặt của UBND xã S, có giá trị chứng minh trong vụ án nên cần tịch thu lưu trữ theo hồ sơ vụ án.

[8] *Về trách nhiệm dân sự:* Trong quá trình điều tra, các bị cáo Bùi Văn H, Đinh Công N3 đã tự nguyện nộp vào Cơ quan Thi hành án dân sự số tiền 108.562.900đ để khắc phục hậu quả do hành vi phạm tội của mình gây ra. Bị hại không có yêu cầu các bị cáo bồi thường thêm gì. Xét số tiền các bị cáo bỏ ra bồi

thường là vượt quá thiệt hại 11.200.000đ và là tài sản hợp pháp của các bị cáo nên cần trả lại cho các bị cáo; mỗi bị cáo còn được nhận lại 5.600.000đ.

[9] Về án phí: Các bị cáo là người bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, khoản 4 Điều 356; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015 đối với cả hai bị cáo;

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Bùi Văn H, Đinh Công N3 phạm tội "Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ".

2. Về hình phạt chính: Xử phạt bị cáo Bùi Văn H 26 (Hai mươi sáu) tháng tù, cho hưởng án treo, thử thách 52 (Năm mươi hai) tháng kể từ ngày tuyên án 18.11.2025.

Xử phạt bị cáo Đinh Công N3 20 (Hai mươi) tháng tù, cho hưởng án treo, thử thách 40 (Bốn mươi) tháng kể từ ngày tuyên án 18/11/2025.

Giao các bị cáo Bùi Văn H và Đinh Công N3 cho Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Phú Thọ giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo nào thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 91 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo Bùi Văn H, Đinh Công N3 cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì có thể bị Toà án buộc phải chấp hành bản án đã cho hưởng án treo.

3. Hình phạt bổ sung: Cấm các bị cáo Bùi Văn H, Đinh Công N3 đảm nhiệm tất cả các chức vụ trong các cơ quan của bộ máy Nhà nước, các cơ quan của các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội thời hạn 02 năm kể từ khi chấp hành xong hình phạt chính.

4. Về vật chứng của vụ án: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu toàn bộ hồ sơ thanh, quyết toán khoản kinh phí dịch vụ môi trường rừng năm 2022 và 02 quyển sổ theo dõi việc tạm ứng tiền mặt của UBND xã S (nay lả xã T, tỉnh Phú Thọ) để lưu trữ theo hồ sơ vụ án.

(Vật chứng hiện đang lưu theo hồ sơ vụ án).

5. Về trách nhiệm dân sự: Buộc các bị cáo Bùi Văn H, Đinh Công N3 có nghĩa vụ liên đới bồi thường cho Ủy ban nhân dân xã S (nay là xã T, tỉnh Phú Thọ) số tiền 97.362.900đ; được trừ vào số tiền 108.562.900đ các bị cáo đã nộp tại Thi hành án dân sự tỉnh H (nay là tỉnh Phú Thọ) theo Biên lai thu tiền số 0002280 ngày 24/01/2025 để khắc phục hậu quả do hành vi phạm tội của mình gây ra; các bị cáo còn được nhận lại 11.200.000đ; mỗi bị cáo còn được nhận lại 5.600.000đ.

6. Án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban

Thường vụ Quốc hội: Buộc các bị cáo Bùi Văn H, Đinh Công N3 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

7. Quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 331; Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự: Các bị cáo, đại diện bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Phú Thọ;
- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- VKSND khu vực 16 – Phú Thọ;
- Phòng PC10 – Công an Phú Thọ;
- Các bị cáo; Đại diện bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Phòng THADS khu vực 16 – Phú Thọ;
- UBND xã T – Phú Thọ;
- Công an xã T – Phú Thọ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phạm Cao Sơn